

Số: 40/2024/QĐST-HNGĐ

Phù Cù, ngày 17 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn:** chị **Lê Thị L**, sinh năm 1991;
Địa chỉ: thôn N, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên.
- Bị đơn:** anh **Lưu Xuân B**, sinh năm 1991;
Địa chỉ: thôn N, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Cháu **Lưu Nhật A**, sinh ngày 14/6/2015;
Địa chỉ: thôn N, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện hợp pháp của cháu Nhật A là: anh Lưu Xuân B (là bố đẻ) và chị Lê Thị L (là mẹ đẻ).

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07/6/2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07/6/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Lê Thị L và anh Lưu Xuân B.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị L và anh Lưu Xuân B tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị Lê Thị L và anh Lưu Xuân B có 01 con chung là cháu Lưu Nhật A, sinh ngày 14/6/2015. Cháu Nhật A có nguyện vọng được ở với anh B. Chị L và anh B thỏa thuận: giao cháu Lưu Nhật A cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung từ tháng 6/2024 cho đến khi cháu Nhật A đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh B. Chị L có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: chị Lê Thị L và anh Lưu Xuân B đều khẳng định anh, chị không có gì; không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: chị Lê Thị L và anh Lưu Đình B thỏa thuận: chị L tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ, (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000684 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; chị L đã nộp đủ án phí. Hoàn trả chị Lê Thị L 150.000đ, (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên (phòng KTNV);
- VKSND huyện Phù Cừ;
- Chi cục THADS huyện Phù Cừ;
- UBND xã M;
- (GCNKH số 58 ngày 30/11/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Đình Hiền